

Ảnh hưởng của một số quyết định nâng cao chất lượng học tập của học viên Trường Sĩ quan Chính trị

Phan Văn Việt*

*Trường Sĩ quan Chính trị, Bộ Quốc phòng

Received: 23/8/2023; Accepted: 25/8/2023; Published: 28/8/2023

Abstract: Research was conducted at the Political Officer School to evaluate the impact of a number of decisions made by the School to encourage students to have a sense of learning and take responsibility for their own learning, thereby improving The quality of learning of each individual student as well as the quality of learning of the school's students. Recognizing this, the school has made a number of decisions that affect students' learning motivation.

Keywords: Self-study, open exam, bonus points, competition and rewards.

1. Đặt vấn đề

Chất lượng học tập (CLHT) luôn là vấn đề thời sự và được các cơ sở giáo dục (CSGD) quan tâm hiện nay. Cũng như các CSGD khác, Trường Sĩ quan Chính trị (SQCT) luôn quan tâm tới CLHT HV. Nhà trường thường xuyên có những hoạt động thiết thực để nắm tình hình học tập, tư tưởng của HV qua đó xây dựng và triển khai các quyết định mang tính chất khích lệ, tạo động lực cho HV. Các quyết định này bao gồm các giải pháp phát triển giáo dục, các phương pháp và công cụ để thúc đẩy tinh thần học tập, sự cố gắng, nỗ lực của HV, qua đó trang bị cho HV những kiến thức, hiểu biết về thế giới quan, về lĩnh vực KHKT, cũng như về kỹ năng sống và thái độ học tập. Bài viết này tập trung vào các quyết định mang tính chất tích cực tạo điều kiện học tập, khích lệ và tạo động lực học tập cho HV Trường Sĩ quan chính trị (SQCT).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng

Mẫu khảo sát là HV của Trường Sĩ quan chính trị từ năm hai tới năm thứ tư. Cụ thể là năm hai khảo sát 100 HV, năm ba 150 HV, năm tư 150 HV. Số phiếu khảo sát phát ra là 400 phiếu và thu về được 360 phiếu. Sau khi kiểm số phiếu thu được và kiểm tra sơ bộ các phiếu tác giả đã loại 31 phiếu không đầy đủ thông tin hoặc phiếu đánh giá không đủ tin cậy, số phiếu còn lại là 329 phiếu.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với bảng bảng hỏi cho HV với thang đo Likert 5 bậc từ những cơ sở lý thuyết đã có từ những nghiên cứu trước. Bảng khảo sát gồm 5 nhân

tố với 27 biến quan sát trong đó có 4 nhân tố độc lập với 23 biến quan sát và 1 nhân tố phụ thuộc với 4 biến quan sát. Với 329 phiếu phiếu khảo sát hợp lệ được nhập và phân tích dữ liệu trên phần mềm SPSS 22. Nội dung phân tích gồm: Thống kê mô tả; Phân tích độ tin cậy thang đo; Phân tích các nhân tố khám phá; Phân tích hồi quy đa biến.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Thống kê mô tả

Số mẫu nghiên cứu đạt yêu cầu là 329. Trong đó, số phiếu khảo sát HV năm hai là 87 phiếu (26,4%), HV năm thứ ba là 128 phiếu (38,9%), học năm thứ tư là 114 phiếu (34,7%). Kết quả học tập của HV tham gia khảo sát như sau: Kết quả học tập xếp loại giỏi là 22 HV chiếm 6,7%, kết quả học tập xếp loại khá là 256 HV chiếm tỉ lệ 77,8% và kết quả học tập xếp loại trung bình là 51 HV chiếm tỉ lệ 15,5%. Như vậy có thể thấy số lượng HV xếp loại khá chiếm phần lớn các mẫu khảo sát.

2.2.2. Độ tin cậy thang đo

Từ bảng phân tích độ tin cậy của 4 nhân tố độc lập với 23 biến quan sát và một nhân tố phụ thuộc với 4 biến quan sát có độ tin cậy tốt, ta có thể thấy rằng các nhóm nhân tố đều có độ tin cậy Cronbach Alpha > 0.6, vì vậy các thang đo trên được chấp nhận. Tuy nhiên, trong nhân tố ảnh hưởng của quyết định về tổ chức tự học của HV có một biến quan sát TH 1.1 có tương quan biến tổng < 0.3 và có độ tin cậy khi loại biến là 0.856 > 0.821. Vì vậy, tác giả đã loại biến quan sát này. Khi loại biến và chạy lại độ tin cậy của nhóm nhân tố trên thì có kết quả tốt là 0.856.

Bảng 2.1. Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo

TT	Thang đo	Biến quan sát	Độ tin cậy	Loại biến
----	----------	---------------	------------	-----------

01	Quyết định tổ chức tự học (TH1.1 – TH1.7)	7	0.856	TH1.1
02	Quyết định ra đề thi mở (M2.1 – M2.7)	7	0.785	
03	Quyết định thưởng điểm (TD3.1 – TD3.5)	5	0.731	
04	Quyết định thi đua khen thưởng (KT 4.1 – 4.4)	4	0.622	

2.2.3. Phân tích khám phá

Từ phân tích cho thấy, hệ số KMO = 0.828 > 0.5 vì vậy phù hợp với phân tích nhân tố EFA. Kiểm định Barlett có hệ số sig. là 0.000 < 0.05, vì vậy có ý nghĩa thống kê và các biến quan sát tương quan với nhau trong tổng thể. giá trị phương sai trích là 51.273% > 50% vì vậy đạt yêu cầu đối với phân tích nhân tố. Như vậy có thể thấy rằng 4 nhóm nhân tố với 22 biến quan sát này giải thích được 51.273% biến thiên của dữ liệu. Kết quả phân tích EFA phù hợp và sử dụng để phân tích hồi quy đa biến. Hệ số Eigenvalues của các nhân tố có giá trị lớn hơn 1 và nhân tố thứ 4 thấp nhất là 1.538 > 1.

Bảng 2.2. Kết quả ma trận xoay nhân tố

Rotated Component Matrix ^a				
Mã hóa	Component			
	1	2	3	4
TH1.5	.817			
TH1.3	.811			
TH1.7	.781			
TH1.2	.775			
TH1.6	.702			
TH1.4	.693			
M2.5		.727		
M2.4		.727		
M2.7		.704		
M2.6		.679		
M2.3		.627		
M2.1		.569		
M2.2		.537		
TD3.3			.767	
TD3.4			.765	
TD3.2			.666	
TD3.5			.609	
TD3.1			.564	
KT4.3				.732
KT4.4				.673
KT4.2				.667
KT4.1				.556

Từ bảng kết quả phân tích ma trận xoay các nhân tố ở trên, ta có thể thấy rằng các biến quan sát nằm ở bốn nhóm đều lớn hơn 0.5. Biến quan sát có hệ số lớn nhất là 8.17 và biến có hệ số nhỏ nhất 5.37.

Dựa vào bảng ma trận xoay ở trên, các biến quan

sát chia thành 4 nhóm nhân tố như sau:

Nhân tố 1 về quyết định về kế hoạch tổ chức tự học của HV: gồm TH1.2, TH1.3, TH1.4, TH1.5, TH1.6, TH1.7; Nhân tố 2 về quyết định thực hiện thi điểm ra đề thi mở: gồm M2.1, M2.2, M2.3, M2.4, M2.5, M2.6, M2.7; Nhân tố 3 về quyết định thưởng điểm: gồm TD3.1, TD3.2, TD3.3, TD3.4, TD3.5; Nhân tố 4 về quyết định thi đua khen thưởng: gồm KT4.1, KT4.2, KT4.3, KT4.4

Kết quả phân tích kết quả kiểm định KMO của nhân tố phụ thuộc cho thấy hệ số KMO là 0.762 > 0.5, vì vậy phù hợp với dữ liệu trong nghiên cứu. Kết quả của kiểm định sig. Barlett bằng 0.000 < 0.05, vì vậy phân tích nhân tố này là phù hợp. Từ kết quả bảng phân tích trên cho thấy bốn biến quan sát được hội tụ thành một nhóm. Giá trị Eigenvalues là 2.307 > 1 vì vậy nó có ý nghĩa tóm tắt các thông tin và phù hợp phân tích dữ liệu. Phân tích kết quả tổng phương sai trích là 57.628% > 50%, điều này cho thấy nó giải thích được 57.628% sự biến thiên của các biến quan sát.

2.2.4. Phân tích hồi quy đa biến

Từ bảng phân tích kết quả có thể thấy rằng, R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là .469 điều này cho thấy khi biến độc lập chạy hồi quy nó ảnh hưởng 46,9% tới biến phụ thuộc, còn lại 53,1% là ảnh hưởng của các biến độc lập khác ngoài mô hình và do sai số. Giá trị Durbin-Watson là 1.860 thuộc khoảng từ 1.5 đến 2.5, vì vậy tương quan chuỗi bậc nhất không xảy ra.

Từ bảng phân tích ANOVA cho thấy, kiểm định F có giá trị sig bằng 0.000 nhỏ hơn 0.05. Như vậy, ta có thể nhận xét rằng mô hình hồi quy phù hợp với bộ dữ liệu và có thể áp dụng được trên diện rộng.

Bảng 2.3. Kết quả phân tích hồi quy

Từ bảng phân tích 2.3 cho thấy, giá trị sig kiểm định t của các biến độc lập nhỏ hơn 0.05. Vì vậy, các biến độc lập có ý nghĩa trong mô hình và nó giải thích cho biến phụ thuộc.

Các hệ số VIF của biến độc lập đều bằng 1.000 nhỏ hơn 2, ta có thể thấy rằng trường hợp đa cộng tuyến không xảy ra.

Các hệ số hồi quy ở bảng phân tích trên đều lớn hơn 0, do vậy các biến độc lập trong mô hình được đưa vào phân tích đều có ý nghĩa và tác động tới biến phụ thuộc. Ở cột B hệ số hồi quy có biến quan sát quyết định về đề thi mở M có ảnh hưởng lớn nhất với 41,9%, và tác động ít nhất là quyết định tự học với hệ số là 12,2%.

Từ những kết quả trên, ta có phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$AH = 0.419 * M + 0.392 * TD + 0.363 * KT +$$

0.122*TH

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy 4 nhóm yếu tố đưa vào phân tích đều có tác động thuận tới thành quả học tập của HV, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, quyết định ra đề thi mở có ảnh hưởng lớn nhất đến thành quả học tập của HV với 41,9%. Từ quyết định này, HV học được cách phân bố thời gian để triển khai các ý trong quá trình làm bài thi; ít phải học thuộc các nội dung môn học hơn và chỉ cần hiểu các ý chính; có thể nêu quan điểm và bình luận của mình trong bài thi; có thể phát triển được năng lực diễn đạt, phát triển năng lực đánh giá vấn đề; học được cách tư duy sáng tạo và hiểu đa chiều; học được kỹ năng hệ thống các thông tin từ nhiều môn học vào bài thi.

Hai là, quyết định thưởng điểm có ảnh hưởng lớn đến thành quả học tập của HV với 39,2%. Qua quyết định này giúp HV chủ động hơn trong việc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị; chủ động trong việc tham gia hội diễn văn nghệ, thể dục thể thao của đơn vị; cố gắng học tập để được vào đội tuyển Olympic của Nhà trường; thường xuyên tham gia các cuộc thi tìm hiểu của Nhà trường, có động lực tham gia sáng tác văn học nghệ thuật.

Ba là, quyết định thi đua khen thưởng ảnh hưởng tới thành quả học tập của HV với 36,3%. Qua quyết định này, giúp HV luôn cố gắng để làm chủ được kiến thức đã học; hoàn thành tốt mục tiêu và kế hoạch học tập của mình; cố gắng đạt kết quả tốt nhất trong từng môn học; cố gắng rèn luyện phẩm chất đạo đức của bản thân.

Bốn là, quyết định kế hoạch tổ chức tự học có mức ảnh hưởng thấp nhất với 12,2%. Qua đó, cần phải nâng cao tính tự học và giúp HV biết mình nên học những gì ở từng học phần môn học; chủ động hơn trong việc tìm các nguồn tài liệu; tự giải quyết được một số vấn đề trong học tập; học được cách lập bản đồ tư duy để học bài dễ hơn; quản lý thời gian học tập ngoài giờ của mình tốt hơn; học được kỹ năng đọc tài liệu và sách tham khảo; có thể tổng hợp và phân tích các thông tin.

2.3. Giải pháp nâng cao CLHT của HV Trường Sĩ quan Chính trị

- Đối với cơ quan

Các cơ quan tham mưu, đề xuất các quyết định ảnh hưởng tới kết quả học tập của HV cần phải được triển khai một cách đồng bộ và linh hoạt để cho HV Nhà trường hiểu mục đích và ý nghĩa của các quyết định ban hành.

Các quyết định ban hành phải rõ ràng, đặt vào vị trí của người học giúp người học có thể áp dụng quyết định vào việc học của mình.

Cơ quan tham mưu thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị HV để có những điều chỉnh phù hợp các quyết định.

- Đối với giảng viên

Tạo động lực học tập và khích lệ nhu cầu học tập của HV, từ đó giúp HV biết phải làm gì để đạt được mục đích học tập của mình đề ra.

Ngoài phương pháp sư phạm và trình độ dạy học, giảng viên cần phát triển cho HV kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, mục tiêu học tập thật rõ ràng như theo từng môn học hoặc theo từng học kỳ.

Đổi mới kiểm tra đánh giá trên lớp học, giảng viên có thể kiểm tra thay vì kết quả học tập thì theo dõi tiến trình học tập của HV để có thể khích lệ, giúp HV có hứng thú trong học tập.

- Đối với HV

Bám, nắm các văn bản, quyết định có liên quan đến vấn đề học tập của Nhà trường để có thể thực hiện một cách chủ động. Xác định mục tiêu học tập đúng đắn cho bản thân, tự tạo động lực học tập và tìm cảm giác hứng thú trong học tập. Tự xây dựng cho mình một phương pháp học tập phù hợp nhất, chủ động tìm tài liệu học tập có liên quan.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của một số quyết định của Nhà trường tới CLHT của HV Trường SQCT. Kết quả phân tích chỉ ra rằng, HV đánh giá cao về quyết định ra đề thi mở của Nhà trường, đề thi mở giúp HV có thể nêu quan điểm và bình luận của mình trong bài thi, có thể phát triển được năng lực diễn đạt, phát triển năng lực đánh giá vấn đề. Quyết định thưởng điểm giúp HV chủ động hơn trong việc tham gia các phong trào của Nhà trường và có trách nhiệm hơn đối với việc học tập của mình. Quyết định thi đua khen thưởng giúp HV luôn phấn đấu để đạt được thành tích cao nhất trong học tập. Quyết định về kế hoạch tổ chức tự học của HV giúp HV chủ động hơn trong việc học tập ngoài giờ của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hiến Lê (1992), *Tự học - một nhu cầu của thời đại*, Nxb Văn hóa - Thông tin.

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 1*, Nxb Hồng Đức.

3. Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), “Đánh giá kết quả học tập môn ngữ văn theo định hướng đánh giá năng lực”, *Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM*, (56), tr.151 – 156.

4. Ferrari, J.R., and S. McGowan (2016), Using exam bonus points as incentive for research participation, *Teaching of Psychology*, 29(1): 29-32.